

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản
và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản số 687/BTNMT-ĐCKS ngày 09/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý khoáng sản khu vực khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, trong đó có nội dung cho phép Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn thu hồi khối lượng đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; Văn bản số 2193/BTNMT-KSVN ngày

03/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thống nhất để UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng đá vôi sản xuất vôi công nghiệp, sản xuất xi măng đi kèm trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường làm cơ sở để cấp/điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, xi măng, vật liệu san lấp đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 248/GP-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Văn bản số 7522/UBND-CN ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn được điều chỉnh nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn;

Xét Đơn đề ngày 12/6/2023 (kèm hồ sơ) của Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 626/TTr-STNMT ngày 21 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1 Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh có nội dung:

- Trữ lượng khai thác: 4.018.134 m³.
- Công suất khai thác: 150.000 m³/năm.
- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Thời hạn khai thác: 27 năm 02 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 4 tháng.

Nay điều chỉnh lại như sau:

- * Trữ lượng địa chất: 5.404.384 m³ trong đó:

- Trữ lượng khoáng sản đã khai thác (ở trạng thái tự nhiên) đến ngày 30/9/2022 là 1.105.537 m³ gồm: 984.031 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; 121.506 m³ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp;

- Trữ lượng địa chất còn lại đến ngày 30/9/2022: 4.298.847 m³ gồm:

+ Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 2.347.960 m³;

+ Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp: 1.191.355 m³, tương ứng với 3.204.744 tấn;

+ Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 630.567 m³ tương ứng 1.696.226 tấn;

+ Đất xen kẹp làm vật liệu san lấp: 128.965 m³.

- Trữ lượng khai thác còn lại tính đến ngày 30/9/2022:

+ Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.780.046 m³;

+ Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp: 903.196 m³, tương ứng với 2.429.596 tấn;

+ Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 478.048 m³, tương ứng với 1.285.951 tấn;

+ Đất xen kẹp làm vật liệu san lấp là 97.772 m³.

* Công suất khai thác (ở trạng thái tự nhiên):

+ Từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023: 300.000 m³;

+ Từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024: 300.000 m³;

+ Từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024: 150.000 m³;

+ Từ năm 2025 đến hết thời hạn còn lại của giấy phép: 300.000 m³/năm.

* Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường, nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, nguyên liệu sản xuất xi măng và vật liệu san lấp.

* Thời hạn khai thác còn lại: 9 năm 8 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở bổ sung là 02 tháng.

2. Tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh có nội dung:

- Thời hạn thuê đất: 27 năm 02 tháng, kể từ ngày ký giấy phép.

Nay điều chỉnh lại:

- Thời hạn thuê đất còn lại: 9 năm 8 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Tại khoản 5 Điều 2 Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh có nội dung:

Thực hiện đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án khai thác đã được phê duyệt. Quản lý sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Nay điều chỉnh lại như sau:

Tiếp tục thực hiện đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (Quyết định số 144/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 14/7/2017 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp) và Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của dự án khai thác đã được phê duyệt (Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 8/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa) cho đến khi có các Quyết định phê duyệt mới thay thế. Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo công suất điều chỉnh tại mục 1 Quyết định này trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án khai thác đã được phê duyệt. Quản lý sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

* Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định tại Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời với Giấy phép số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Tân Trường;
- Công ty TNHH XDGTTL Giang Sơn;
- Lưu: VT, CN (06.73).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang